

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 3389/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 30 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai  
tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 380/TTr-STC ngày 26/9/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Quy Nhơn.
- Địa điểm xây dựng: phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: 31/3/2023 - 15/11/2023.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư**

Đơn vị tính: đồng.

<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được duyệt</b>	<b>Giá trị quyết toán</b>
<b>Tổng số:</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>31.300.835.000</b>
1. Chi phí bồi thường, GPMB:	5.221.346.000	0
2. Chi phí xây dựng :	31.493.221.000	28.834.672.000
3. Chi phí quản lý dự án:	751.113.000	682.830.000
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.886.772.000	1.645.191.000
* Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	290.495.000	281.352.000
- Chi phí khảo sát, lập nhiệm vụ khảo sát và báo cáo nghiên cứu khả thi	6.538.000	0
- Chi phí khảo sát địa hình	44.839.000	44.839.000
- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	194.313.000	194.313.000
- Chi phí giám sát công tác khảo sát giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	1.660.000	0
- Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	43.145.000	42.200.000
* Giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công	1.596.277.000	1.363.839.000
- Chi phí lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	701.039.000	667.076.000
- Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	99.520.000	94.743.000
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	97.346.000	0
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	6.292.000	0
- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT giám sát thi công	6.157.000	0
- Chi phí giám sát thi công	685.923.000	602.020.000
5. Chi phí khác:	609.056.000	138.142.000
- Chi phí thẩm định dự án	6.750.000	3.375.000
- Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	30.549.000	16.687.000
- Chi phí thẩm định dự toán	29.724.000	0
- Chi Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu tư vấn khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công	2.000.000	0
- Chi Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu thi công xây lắp	31.493.000	0
- Chi Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát thi công	2.000.000	0

- Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu Thi công xây dựng công trình	6.299.000	0
- Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công	2.000.000	0
- Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công	2.000.000	0
- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	134.100.000	104.196.000
- Chi phí bảo hiểm xây lắp	45.411.000	0
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	33.000.000	0
- Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	269.730.000	0
- Chi phí thẩm định giá trị vật tư, thiết bị	14.000.000	13.884.000
6. Chi phí dự phòng:	5.038.492.000	0

## 2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
<b>Tổng số</b>	<b>45.000.000</b>	<b>31.300.835</b>	<b>31.159.066</b>	<b>141.769</b>	
<b>Vốn đầu tư công:</b>			<b>31.159.066</b>		
Vốn ngân sách nhà nước:			31.159.066		
Vốn ngân sách tỉnh			1.760.192		
Vốn ngân sách thành phố			29.398.874		

## 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>31.300.835.000</b>	<b>31.300.835.000</b>
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			31.300.835.000	31.300.835.000
2- Tài sản ngắn hạn				

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản**

- a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.  
b. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.****Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

**1.** Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

<b>Nguồn</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>31.300.835.000</b>	
Vốn từ Ngân sách nhà nước: Trong đó:	31.300.835.000	
1. Vốn đã bố trí :	31.159.066.000	
-Vốn ngân sách tỉnh	1.760.192.000	
- Vốn ngân sách thành phố	29.398.874.000	
2. Vốn chưa bố trí:	141.769.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải trả: 141.769.000 đồng.
- + Chi phí quản lý dự án: 22.406.000 đồng;
- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 10.002.000 đồng (*Chi phí giám sát thi công*);
- + Chi phí khác: 109.361.000 đồng (*Chi phí thẩm định dự án: 3.375.000 đồng; Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công: 1.790.000 đồng; Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 104.196.000 đồng*).

**2.** Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

- a. Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/ cố định</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>
Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn	30.772.088.000	

- b. Giá trị hoàn trả tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/ cố định</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>
Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định	528.747.000	

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán

được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**